ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130 /TTr-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Song song với sự phát triển về kinh tế xã hội của tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây, công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các thôn, ấp, khu phố, khu dân cư ... là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng không thể thiếu, cần được chú trọng đầu tư mạnh mẽ.

Để làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các thôn, ấp, khu phố, khu dân cư ... không thể không kể đến vai trò và sự đóng góp của lực lượng dân phòng, đặc biệt là các chức danh Đội trưởng, đội phó Đội dân phòng vì họ là những người có khả năng huy động và chỉ huy cũng như tham gia ứng cứu khẩn cấp, xử lý các sự cố về cháy nổ. Tuy nhiên, các đối tượng này không được hưởng lương từ ngân sách mà chỉ hưởng phụ cấp do đơn vị quản lý hỗ trợ do vậy đời sống còn gặp khó khăn, không yên tâm công tác.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức

danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh là một nhu cầu cấp thiết nhằm tạo hành lang pháp lý cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích:

Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh nhằm để cho các chức danh này tăng thêm thu nhập, ổn định cuộc sống gia đình, yên tâm công tác, góp phần bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, kịp thời huy động, chỉ đạo lực lượng dân phòng tham gia ứng cứu khi có các sự cố cháy nổ xảy ra trên địa bàn quản lý.

2. Quan điểm

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện đúng và đủ theo quy định về chế độ hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị quyết. Căn cứ nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, gửi các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đồng thời tổng hợp tiếp thu, chỉnh sửa và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Căn cứ báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh. Nội dung dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh họp, thông qua vào ngày 04/6/2022.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết theo hướng quy định trực tiếp có 2 phần: Căn cứ và Quyết nghị. Quyết nghị có 03 điều

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nguồn kinh phí: Do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Kinh phí thực hiện: Trên địa bàn tỉnh có 844 đội dân phòng với 5.639 thành viên, trong đó có 844 chức danh Đội trưởng, 844 chức danh Đội phó Đội trưởng Đội dân phòng. Tổng kinh phí dự kiến chi hàng năm 12.940.746.000 đồng *(Có bảng tổng hợp kinh phí Đội dân phòng kèm theo)*.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(*Kèm theo Dự thảo Nghị quyết; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan; văn bản thẩm tra của Sở Tư pháp*).

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT TU, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỘI DÂN PHÒNG

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Mức lương tối thiểu vùng (Vùng 2,3,4)	Hệ số 0.2 Đội trưởng	Hệ số 0.15 Đội phó	Số Đội dân phòng	Thành tiền Đội trưởng	Thành tiền Đội phó	Tổng cộng
1	Đồng Xoài	4.160.000	832.000	624.000	52	519.168.000	389.376.000	908.544.000
2	Đồng Phú	4.160.000	832.000	624.000	73	728.832.000	546.624.000	1.275.456.000
3	Chơn Thành	4.160.000	832.000	624.000	70	698.880.000	524.160.000	1.223.040.000
4	Phước Long	3.640.000	728.000	546.000	42	366.912.000	275.184.000	642.096.000
5	Bình Long	3.640.000	728.000	546.000	55	480.480.000	360.360.000	840.840.000
6	Hớn Quản	3.640.000	728.000	546.000	102	891.072.000	668.304.000	1.559.376.000
7	Lộc Ninh	3.640.000	728.000	546.000	131	1.144.416.000	858.312.000	2.002.728.000
8	Phú Riềng	3.640.000	728.000	546.000	82	716.352.000	537.264.000	1.253.616.000
9	Bù Gia Mập	3.250.000	650.000	487.500	68	530.400.000	397.800.000	928.200.000
10	Bù Đăng	3.250.000	650.000	487.500	117	912.600.000	684.450.000	1.597.050.000
11	Bù Đốp	3.250.000	650.000	487.500	52	405.600.000	304.200.000	709.800.000
	Tổng cộng				**844**	**7.394.712.000**	**5.546.034.000**	**12.940.746.000**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)